

Số: 512/QĐ-UBND

Quang Sơn, ngày 23 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUANG SƠN**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 30/12/2012 của UBND xã Quang Sơn về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2022;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 xã Quang Sơn.

*(Có các biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2:** Giao cho ban Tài chính xã phối hợp với các ngành liên quan tổ chức và phối hợp hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3:** Các ông (bà): Văn phòng UBND xã, Ban Tài chính, các ngành đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- Cơ quan của các đoàn thể;
- Các trường xóm;
- Lưu: VP UBND, Ban Tài chính.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Khúc Kim Quảng**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)**

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng



STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SẴN (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	7.733.153.788	8.406.382.549	108,71
1.	Các khoản thu 100%	81.000.000	99.915.000	347,18
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	169.000.000	153.001.376	82,07
3.	Thu chuyển nguồn	33.491.880	599.623.212	1.790,35
4	Thu kế dư ngân sách năm trước	35.000.000	107.586.053	100,0
5	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.414.661.908	7.446.256.908	100,43
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.808.000.000	3.808.000.000	100
	- Bổ sung có mục tiêu	3.606.661.908	3.638.256.908	100,88
II	Tổng số chi	7.691.789.896	8.261.425.286	107,41
1.	Chi đầu tư phát triển	2498643948	2.412.916.840	96,57
2.	Chi thường xuyên	5.134.145.948	5.848.508.446	113,91
4	Dự phòng	59.000.000		0

Ngày 28 tháng 1 năm 2022



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ**

Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Số sánh (%)	Thu NSNN	Thu NSX	Dự toán		Thu NSNN	Thu NSX
			Quyết toán	So sánh (%)		
6	5	4	3	2	1	A
108,71	110,86	8.406.382,549	8.795.016,033	7.733.153,788	7.933.153,788	Tổng số thu
123,35	123,60	99.915.000	100.116,187	81.000,000	81.000,000	I. Các khoản thu 100%
98,96	98,96	55.415.000	55.415.000	56.000,000	56.000,000	- Phí, lệ phí
						- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác
						- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp
						- Thu phạt, tích thu khác theo quy định
						- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định
						- Đóng góp của nhân dân theo quy định
						- Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân
						- Thu khác
178,00	178,80	44.500,000	44.701,187	25.000,000	25.000,000	II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)
297,12	327,50	56.452,668	111.348,981	19.000,000	34.000,000	1. Các khoản thu phân chia
754,38	754,39	30.175.000	30.175.600	4.000,000	4.000,000	- Thu sử dụng đất phi nông nghiệp
						- Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình
						- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh
						- Lệ phí trước bạ nhà, đất
270,58	270,58	40.586,692	81.173,381	15.000,000	30.000,000	- Lệ phí trước bạ nhà, đất
54,83	128,38	82.239,084	430.084,692	150.000,000	335.000,000	2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định
54,83	54,83	82.239,084	82.239,084	150.000,000	150.000,000	- Thuế giá trị gia tăng
						- Thuế TNDN
						- Thuế tiêu thụ đặc biệt
	186		3.748,845		185.000,000	- Thuế thu nhập cá nhân
			344.096,763			III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)
307,39	307	107.586,053	107.586,053	35.000,000	35.000,000	V. Thu kết dư ngân sách năm trước
1790,35	1.790	599.623,212	599.623,212	33.491,880	33.491,880	IV. Thu chuyển nguồn
100,43	100	7.446.256,908	7.446.256,908	7.414.661,908	7.414.661,908	VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên
100,00	100	3.808.000,000	3.808.000,000	3.808.000,000	3.808.000,000	- Bổ sung cân đối ngân sách
100,88	101	3.638.256,908	3.638.256,908	3.606.661,908	3.606.661,908	- Bổ sung có mục tiêu



Ngày 23 tháng 1 năm 2022

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ**  
Năm 2022

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục		Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
Tổng số	ĐIPT	TX	ĐIPT	Tổng số	ĐIPT	Tổng số	ĐIPT
1	2	3	4	5	6	7	8
7.632.789.788	2.498.643.840	5.134.145.948	8.261.425.286	2.412.916.840	5.848.508.446	169	97
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	607.815.000	486.815.000	601.744.375	120.553.000	481.191.375	99	100
- Chi dân quân tự vệ	312.100.000	312.100.000	311.960.375	120.553.000	311.960.375	100	100
- Chi trật tự an toàn xã hội	295.715.000	174.715.000	289.784.000	120.553.000	169.231.000	98	100
2. Chi giáo dục							
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ							
4. Chi y tế	41.200.000	41.200.000	41.124.000	1.228.021.000	41.124.000	100	95
5. Chi văn hóa, thông tin	1.325.000.000	1.290.000.000	1.263.011.000	1.228.021.000	34.990.000	95	95
6. Chi phát thanh, truyền hình							
7. Chi thể dục, thể thao	60.000.000	60.000.000	59.347.000	59.347.000	59.347.000	99	99
8. Chi bảo vệ môi trường							
9. Chi các hoạt động kinh tế	1.550.309.840	1.087.643.840	1.378.638.840	1.064.342.840	314.296.000	388	98
- Giao thông	1.021.643.840	991.643.840	996.341.840	973.816.840	22.525.000	98	98
- Nông - lâm nghiệp	367.666.000	367.666.000	226.771.000	226.771.000	226.771.000	1.321	94
- Thủy lợi	161.000.000	96.000.000	155.526.000	90.526.000	65.000.000	97	94
- Thương mại, du lịch							
- Các hoạt động kinh tế khác							
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.925.412.948	3.925.412.948	3.858.767.039	3.858.767.039	3.858.767.039	98	98
Trong đó: Quy lương							
10.1. Quản lý Nhà nước	2.116.112.948	2.116.112.948	2.114.012.604	2.114.012.604	2.923.427.795	100	100
10.2. Hội đồng nhân dân	325.500.000	325.500.000	299.697.425	299.697.425	299.697.425	92	92
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	557.000.000	557.000.000	550.858.023	550.858.023	550.858.023	99	99
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	309.550.000	309.550.000	306.116.903	306.116.903	306.116.903	99	99
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	126.000.000	126.000.000	120.013.616	120.013.616	120.013.616	95	95
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	115.000.000	115.000.000	113.735.376	113.735.376	113.735.376	99	99
<b>Tổng chi</b>	<b>7.632.789.788</b>	<b>2.498.643.840</b>	<b>5.134.145.948</b>	<b>8.261.425.286</b>	<b>5.848.508.446</b>	<b>169</b>	<b>97</b>





Ngày 23 tháng 12 năm 2022

107. Hội Cựu chiến binh	124.000.000	124.000.000	116.585.620	116.585.620	94
108. Hội Nông dân	122.000.000	122.000.000	109.567.872	109.567.872	90
109. Hội Chữ Thập đỏ	34.100.000	34.100.000	33.852.600	33.852.600	99
1010. Hội Người cao tuổi	41.350.000	41.350.000	39.891.000	39.891.000	96
1011. Hội khuyến học	18.100.000	18.100.000	18.092.000	18.092.000	100
1012. Chi đoàn thể hội khác (Da cam, Người mù)	36.700.000	36.700.000	36.344.000	36.344.000	99
11. Chi cho công tác xã hội	123.052.000	123.052.000	123.040.000	123.040.000	100
- Trả cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	113.052.000	113.052.000	113.040.000	113.040.000	100
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	100
- CSXH khác	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	100
- Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, Covid theo NQ 42					
12. Chi khác					
13. Dự phòng					
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau			935.753.032	935.753.032	

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN  
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

*Căn cứ Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND huyện  
Đông Hỷ về việc giao dự toán thu - chi ngân sách huyện Đông Hỷ năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số: 107/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND xã  
Quang Sơn về việc giao dự toán thu - chi ngân sách xã năm 2022;*

UBND xã Quang Sơn báo cáo ước thực hiện nhiệm vụ năm 2022, như sau:

**I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách năm 2022:**

**1. Thu ngân sách:**

Thu ngân sách nhà nước trong cân đối năm 2022 đạt  $252.919.376/250.000.000đ = 101,16\%$  dự toán; Thu ngân sách xã đạt  $8.406.382.549/7.733.153.888đ = 108,71\%$  dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ như: Thu phí, lệ phí đạt 98,96%, thu khác ngân sách đạt: 178%, thu thuế trước bạ đạt: 270,58%, thuế phi nông nghiệp đạt: 754,39%, thuế TNCN đạt: 186% bên cạnh còn một số các chỉ tiêu thu chưa đạt so với dự toán giao: Thu thuế GTGT đạt 54,83% so với dự toán,

**2/ Chi ngân sách:**

Thực hiện chi năm 2022 là:  $8.261.425.286đ/7.691.789.896đ$ , đạt 107,41% dự toán giao;

*Trong đó:* Chi thường xuyên:  $5.848.508.446đ/5.131.145.948đ$  đạt 113,9%

Chi đầu tư phát triển:  $2.412.916.840đ/2.498.643.840đ$  đạt 97%

Trên đây là thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán năm 2022 của UBND xã Quang Sơn./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
O. CHỦ TỊCH**



**Khúc Kim Quảng**

